| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8 – HƯNG YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 98/2026/DSST
Ngày: 12-8-2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Nhàn.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Tống Xuân Tú.

2. Bà Nguyễn Thị Hương.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2026/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2026/QĐXX-ST, ngày 16 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S1) (S2).

Địa chỉ: Số B, N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Việt A, chức vụ: Phó phòng giao dịch L, chi nhánh H.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Hà Minh N - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân - Phòng G - Ngân hàng TMCP S (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường L, phường V, thành phố Hà Nội.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn X (nay là thôn X), xã Đ, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 02 năm 2026, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền lại của nguyên đơn ông Hà Minh N trình bày*:

Ngày 11/3/2025, ông Nguyễn Hữu V ký với Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S1) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Theo thỏa thuận, Ngân hàng cấp cho ông V thẻ tín dụng với hạn mức 51.000.000 đồng, mục đích thanh toán học phí khóa học tiếng Anh trả góp cho con. Sau khi được cấp thẻ, ông V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 50.002.000 đồng và đăng ký trả góp trong thời hạn 18 tháng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông V đã thanh toán cho Ngân hàng 5.000.000 đồng, sau đó thường xuyên chậm thanh toán, không thanh toán đầy đủ các khoản đến hạn mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở, gọi điện và gửi thông báo yêu cầu thanh toán. Do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng và Bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, ngày 05/01/2026 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 5 của Bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Theo nguyên đơn, việc thanh toán các khoản nợ được thực hiện theo thứ tự quy định tại Điều 5.5 của Bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Đối với khoản nợ quá hạn, theo Điều 1.32 của Bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, lãi suất nợ quá hạn được áp dụng bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trong hạn là 2,98%/tháng nên lãi suất quá hạn là 4,47%/tháng. Tính đến ngày 12/8/2026, ông Nguyễn Hữu V còn nợ Ngân hàng tổng số tiền **59.129.302** đồng, trong đó nợ gốc **50.376.782** đồng và nợ lãi **8.752.520** đồng.

Nguyên đơn cho rằng ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về thời gian để thanh toán nhưng ông V vẫn không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và buộc ông Nguyễn Hữu V thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên; đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

*Tại tự khai bị đơn ông Nguyễn Hữu V trình bày*: Ngày 11/3/2025, ông có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức 51.000.000 đồng. Chữ ký tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân là chữ ký của ông. Ông xác nhận hoàn toàn đồng ý với nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân

hàng.

Sau khi được cấp thẻ, ông đã sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 50.002.000 đồng. Ông xác định đây là khoản nợ của cá nhân ông đối với Ngân hàng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông đã thanh toán cho Ngân hàng được 5.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông V thừa nhận nghĩa vụ và đồng ý thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế hiện nay còn khó khăn, ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian để ông có thời gian sắp xếp, thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ. Đồng thời, ông đề nghị Ngân hàng xem xét, giảm một phần tiền lãi cho ông.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Ngân hàng TMCP S (S2) khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu V thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là **"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"**.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu V có nơi cư trú tại thôn X, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**[2] Về thủ tục tố tụng:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Hữu V theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, ông V vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, căn cứ các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

**[3] Về nội dung tranh chấp:**

**[3.1] Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng S2 và ông Nguyễn Hữu V:**

Ngày 11/3/2025, ông Nguyễn Hữu V ký với Ngân hàng S2 Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân cùng Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Trên cơ sở đề nghị của ông V, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông V với hạn mức sử dụng là 51.000.000 đồng.

Ông V xác nhận chữ ký tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân là chữ ký của ông; đồng thời xác nhận đã biết, đồng ý với nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Xét thấy, việc giao kết hợp đồng giữa các bên được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng được lập thành văn bản, có chữ ký của các bên theo quy định. Do đó, có đủ căn cứ xác định Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng S2 và ông Nguyễn Hữu V được giao kết hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên; các bên có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã cam kết.

**[3.2] Về số tiền nợ và nghĩa vụ thanh toán của ông Nguyễn Hữu V:**

Sau khi được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Hữu V đã sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch với tổng số tiền **50.002.000 đồng**. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông V đã thanh toán cho Ngân hàng được **5.000.000 đồng**. Ông V thừa nhận chữ ký trong hợp đồng là của mình, thừa nhận đã sử dụng thẻ, thừa nhận khoản tiền đã giao dịch là khoản nợ của cá nhân ông và xác nhận còn nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Như vậy, lời trình bày của ông V phù hợp với nội dung Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, sao kê giao dịch và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do ông V không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng S2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn kể từ ngày 05/01/2026 theo thỏa thuận tại Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Theo bảng sao kê và tài liệu do Ngân hàng cung cấp, tính đến ngày 12/8/2026, ông Nguyễn Hữu V còn nợ Ngân hàng tổng số tiền **59.129.302 đồng**, gồm: Nợ gốc: **50.376.782 đồng**; Nợ lãi: **8.752.520 đồng**. Ông V không có ý kiến phản đối đối với số tiền nợ mà Ngân hàng yêu cầu thanh toán, mà chỉ đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian và giảm một phần tiền lãi do hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông Nguyễn Hữu V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng S2 buộc ông Nguyễn Hữu V phải thanh toán số tiền **59.129.302 đồng**, trong đó nợ gốc 50.376.782 đồng và nợ lãi 8.752.520 đồng, là có căn cứ chấp nhận.

**[3.3] Về yêu cầu thanh toán lãi:**

Về lãi suất, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã có thỏa thuận cụ thể về lãi suất, phương thức tính lãi, lãi suất khi chuyển sang nợ quá hạn và nghĩa vụ thanh toán của chủ thẻ.

Theo quy định của pháp luật về hoạt động cấp tín dụng, tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên Ngân hàng chuyển dư nợ sang nợ quá hạn và yêu cầu ông V tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/8/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S2 về việc buộc ông Nguyễn Hữu V tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ chưa thanh toán kể từ ngày 13/8/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất và phương thức tính lãi đã được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Đối với đề nghị của ông V về việc xin giảm một phần tiền lãi, Ngân hàng S2 không chấp nhận. Việc miễn, giảm lãi thuộc quyền quyết định của tổ chức tín dụng theo quy định và chính sách của Ngân hàng. Ông V không đưa ra được căn cứ pháp lý để Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu giảm lãi của ông. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét chấp nhận đề nghị này của ông V.

**[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S2 được chấp nhận nên ông Nguyễn Hữu V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ tài sản mà ông phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng S2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

**[5] Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, đối với khoản tiền phải thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

**[6] Về quyền kháng cáo:**

Ngân hàng S2 và ông Nguyễn Hữu V có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 463, 464, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 đối với ông Nguyễn Hữu V về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

**2.** Buộc ông Nguyễn Hữu V phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền tính đến ngày 12 tháng 8 năm 2026 là 59.129.302 đồng (Năm mươi chín triệu một trăm hai mươi chín nghìn ba trăm linh hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 50.376.782 đồng (Năm mươi triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng); Nợ lãi: 8.752.520 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn năm trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2026, ông Nguyễn Hữu V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất, phương thức tính lãi và thời điểm tính lãi mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11 tháng 3 năm 2025 và Bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

**3**. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu V phải chịu 2.956.465 đồng (Hai triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền 2.466.000 đồng (Hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002025 ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

**4**. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đối với khoản tiền phải thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

**5**. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Hữu V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND Khu vực 8 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Nhàn**